

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ AN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /NQ-HĐND

An Phú, ngày 30 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp nhập

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ AN PHÚ
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp;

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của UBND xã về việc ban hành Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2025, với các nội dung sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025: 149,583 tỷ đồng (trong đó, thu tiền sử dụng đất 13,3 tỷ đồng).

- Chi ngân sách trên địa bàn xã năm 2025: 138,120 tỷ đồng (trong đó, chi đầu tư phát triển 1,995 tỷ đồng)

(Chi tiết theo các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Các biện pháp thực hiện quản lý và điều hành dự toán ngân sách xã năm 2025:

1. Thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản theo quy định của Pháp luật, tổ chức quản lý khai thác tốt các nguồn thu, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, phân đầu thu hoàn thành các sắc thuế theo dự toán UBND thành phố giao.

2. Tăng cường biện pháp chống thất thu. Phân đầu thu ngân sách, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bố trí chi cải cách tiền lương. Nguồn cải cách tiền lương năm 2024 chuyển sang năm 2025 để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Đánh giá đầy đủ các yếu tố biến động đến tăng giảm nguồn thu, điều chỉnh kịp thời các khoản thu để dự toán sát với thực tế, có giải pháp quyết liệt phân đầu tăng thu ngân sách so với dự toán UBND thành phố giao.

4. Thực hiện luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách, đảm bảo công khai các khoản chi, chi đúng nguồn, đúng việc. Trong trường hợp hụt thu thì thực hiện cắt giảm các khoản chi tương ứng, ưu tiên kinh phí để chi trả lương, chế độ chính sách, chế độ an sinh xã hội, không để xảy ra nợ chế độ chính sách cho con người.

5. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo chế độ chính sách, kỷ luật tài chính.

6. Tập trung nguồn vốn đảm bảo cho các công trình đầu tư công triển khai năm 2025.

7. Thực hiện các khoản chi theo đúng dự toán được giao, ưu tiên các nhiệm vụ chính trị quan trọng căn cứ vào số thu để đảm bảo thực hiện chi phù hợp.

8. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán trong việc sử dụng ngân sách năm 2025.

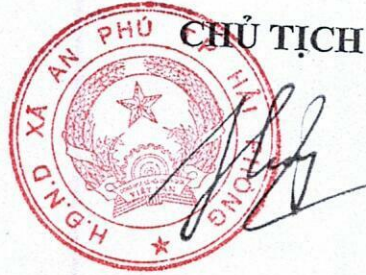
Điều 3. Giao cho UBND xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các nguồn kinh phí chưa phân bổ chi tiết giao UBND cấp xã phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 (sửa đổi bởi Điểm a Khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024) bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và báo cáo Hội đồng nhân dân cấp xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã An Phú khoá I, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Thường trực HĐND thành phố;
 - Ủy ban nhân dân thành phố;
 - Sở Tư pháp thành phố;
 - Sở Tài chính thành phố;
 - Ban Thường vụ Đảng ủy;
 - Thường trực UBMTQ xã;
 - Lãnh đạo UBND xã;
 - Các phòng, ban, cơ quan liên quan;
 - Lưu: VT
- (để báo cáo)



Nguyễn Duy Hưng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã An Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	138.120,0	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	3.751,6	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	1.123,0	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	2.628,6	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.368,4	
-	Thu bổ sung cân đối	134.368,4	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	138.120,0	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	138.120,0	
1	Chi đầu tư phát triển	1.995,0	
2	Chi thường xuyên	133.740,0	
3	Dự phòng ngân sách	2.385,0	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã An Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2	3
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	149.583,4	138.120,0	
I	Thu nội địa	15.215,0	3.751,6	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	509,0	407,2	
5	Thuế thu nhập cá nhân	283,0	226,4	
6	Thuế bảo vệ môi trường			
7	Lệ phí trước bạ	330,0	330,0	
8	Thu phí, lệ phí	142,0	142,0	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	266,0	266,0	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
12	Thu tiền sử dụng đất	13.300,0	1.995,0	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
16	Thu khác ngân sách	45,0	45,0	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	340,0	340,0	
II	Thu viện trợ			
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.368,4	134.368,4	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	134.368,4	134.368,4	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã An Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	138.120,0	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ		
	<i>Trong đó:</i>		
I	Chi đầu tư phát triển	1.995,0	
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.995,0	
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
1.2	Chi khoa học và công nghệ		
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình		
1.4	Chi văn hóa thông tin		
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
1.6	Chi thể dục thể thao		
1.7	Chi bảo vệ môi trường		
1.8	Chi các hoạt động kinh tế		
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.995,0	
1.10	Chi bảo đảm xã hội		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	133.740,0	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi an ninh	2.109,0	
2	Chi quốc phòng	1.756,0	
3	Chi giáo dục và đào tạo	90.403,0	
4	Chi khoa học và công nghệ		
5	Chi y tế, dân số và gia đình	216,0	
6	Chi văn hóa thông tin	482,0	
7	Chi phát thanh, truyền thông	287,0	
8	Chi thể dục thể thao	178,0	
9	Chi bảo vệ môi trường	120,0	
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.137,0	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	27.605,0	
12	Chi bảo đảm xã hội	8.416,0	
13	Chi khác	31,0	
III	Dự phòng ngân sách	2.385,0	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
B	Chi viện trợ		
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu		

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã An Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN NHỊNH, THÔNG TẮN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	TIẾT KIỂM 10% CHI TX	SỐ SAU KHİ TRỪ TIẾT KIỂM
											CHI GIAO THÔNG G	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	THCS	4.898,6	4.898,6													
2.12	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73/2024	3.245,0	3.245,0													
2.13	QLGD (Phòng Văn hoá)	65,0	65,0													
2.14	QLGD (Phòng Kinh tế)	12,0	12,0													
2.15	Kinh phí thực hiện NĐ81 (Phòng Văn hoá)	1.665,0	1.665,0													
2.16	Kinh phí chưa phân bổ (SNGD)	2.358,0	2.358,0													
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	31.182,0		3.865,0	216,0	482,0	287,0	178,0	120,0	2.137,0	807,0	1.330,0	23.897,0			
3.1	Chi an ninh	2.109,0		2.109,0												
3.2	Quốc phòng	1.756,0		1.756,0												
3.3	Hội đồng nhân dân	1.038,0											1.038,0			
-	Phụ cấp đại biểu HĐND xã; chức danh lãnh đạo HĐND xã	888,0											888,0			
-	Chi nghiệp vụ	150,0											150,0			
3.4	Văn phòng HĐND và UBND xã	7.513,0											7.513,0			
-	Chi cho con người	3.355,0											3.355,0			
-	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73/2024	159,0											159,0			
-	Chi nghiệp vụ	3.999,0											3.999,0			
3.3	Trung tâm Hành chính công	1.716,0											1.716,0			
-	Chi cho con người	867,0											867,0			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73/2024	73,0											73,0			
-	Chi nghiệp vụ	638,0											638,0			
-	Hỗ trợ công tác trả kết quả TTHC	103,0											103,0			
-	Sổ hoá thủ tục hành chính	35,0											35,0			
3.4	Phòng Kinh tế	5.296,0							120,0	2.137,0	807,0	1.330,0	3.039,0			
-	Chi cho con người	1.580,0											1.580,0			
-	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73/2024	129,0											129,0			
-	Chi nghiệp vụ	2.746,0							120,0	2.137,0	807,0	1.330,0	489,0			
-	Chi công tác quy hoạch, đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	137,0											137,0			
-	Tiền điện thấp sáng, duy tu bảo dưỡng công trình đường giao thông	627,0											627,0			
-	Hoạt động Hội đồng định giá, ban chỉ đạo	25,0											25,0			
-	Công tác khảo sát giá, phối đăng ký kinh doanh	22,0											22,0			
-	Phần mềm kế toán, quản lý tài sản	10,0											10,0			
-	Kiểm kê tài sản	20,0											20,0			
3.5	Phòng Văn hoá - Xã hội	10.944,0			216,0	482,0							10.246,0			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	TIẾT KIỂM 10% CHI TX	SỐ SAU KHİ TRỪ TIẾT KIỂM
											CHI GIAO THÔN G	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Chi cho con người	1.027,0											1.027,0			
-	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73/2024	74,0											74,0			
-	Chi nghiệp vụ	722,0											722,0			
-	Chi đảm bảo xã hội	8.423,0											8.423,0			
-	Chi SN Y tế	216,0			216,0											
-	Chi SN Văn hoá	482,0				482,0										
3.6	Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Truyền thông	810,0					287,0	178,0					345,0			
-	Chi cho con người	141,0											141,0			
-	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73/2024	19,0											19,0			
-	Chi nghiệp vụ	128,0						88,0					40,0			
	Đại hội TDTT	90,0						90,0								
	SN truyền thông (bao gồm cả phụ cấp không chuyên trách xã)	432,0					287,0						145,0			
4	Ủy ban MTTQ xã	5.198,0											5.198,0			
-	Chi cho con người	3.960,0											3.960,0			
-	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73/2024	86,0											86,0			
-	Chi hoạt động thôn (Chi hội, chi đoàn)	555,0											555,0			
	Nhiệm vụ của các đoàn thể	597,0											597,0			
III	Dự phòng ngân sách	2.385,0											2.385,0			